

Bản án số: 294/2024/HS-ST
Ngày 29 – 11 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Ngọc Thủy
- Ông Đặng Văn Ân

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Minh Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh T - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 347/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 327/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn H**, giới tính: N; sinh năm 1984 tại tỉnh Trà Vinh; nơi thường trú: Ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Thợ hồ; trình độ học vấn 04/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Ở; bị cáo có vợ (đã ly hôn) và 01 người con sinh năm 2003.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2024.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

- Ông Phạm Khánh C, sinh năm 1987 (vắng mặt – có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Bé G, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: A N, ấp G, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

- Hộ kinh doanh cầm đồ Quốc Bảo

Địa chỉ: A ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: A ấp F, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hộ kinh doanh Trần Quang H1

Địa chỉ: E Hậu Giang, phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Xuân N1, sinh năm 1993 (vắng mặt – có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: E Hậu Giang, phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Anh V, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: G ấp G, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Văn H thuê trọ tại phòng số 2 Khu nhà trọ địa chỉ A Ấp G, xã T, huyện B và quen biết vợ chồng ông Phạm Khánh C, bà Nguyễn Thị Bé G đang thuê trọ tại phòng số 1 Khu nhà trọ này.

Ngày 01/6/2024, do không có tiền tiêu xài nên bị cáo H nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 71C3-354.85 của vợ chồng ông C, bà G. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo H đi qua phòng trọ số 1 gặp bà G, bị cáo H giả vờ hỏi mượn xe mô tô biển số 71C3-354.85 để đi công chuyện thì bà G đồng ý và giao phương tiện cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe cho bị cáo H. Ngày 02/6/2024, bị cáo H mang xe đến Tiệm cầm đồ Trần Quang H1 tại địa chỉ E Hậu Giang, Phường A, Quận F do bà Nguyễn Xuân N1 làm chủ, bị cáo H cầm xe mô tô này với số tiền 20.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, bị cáo H quay về nhà trọ và nói với bà G là bị cáo H bị Cảnh sát giao thông xử phạt lỗi nồng độ cồn, mức phạt là 9.000.000 đồng và xe mô tô biển số 71C3-354.85 đang bị tạm giữ. Bị cáo H hứa sẽ lấy tiền đóng phạt và mang xe về trả lại cho bà G.

Đến ngày 16/8/2024, bị cáo H tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 71C3-092.56 của vợ chồng ông C, bà G. Khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày, bị cáo H qua phòng trọ số 1 hỏi mượn ông C xe mô tô biển số 71C3-092.56 để chạy ra chợ B thuộc xã T phô tô các giấy tờ về quê cầm cố đất đai, rồi lấy tiền đi đóng phạt để nhận xe mô tô biển số 71C3-354.85 về trả cho bà

G, tưởng thật nên ông C đồng ý. Sau đó, bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 71C3-092.56 đến Tiệm cầm đồ Quốc Bảo tại địa chỉ F Ấp F, xã V, huyện B do bà Nguyễn Thị D1 làm quản lý rồi cầm xe với giá 3.000.000 đồng, bị cáo H đã tiêu xài cá nhân hết. Do không thấy bị cáo H mang xe trả lại nên ông C nhiều lần gọi điện thoại nhưng bị cáo H không trả lời. Biết mình đã bị bị cáo H lừa đảo nên ngày 19/8/2024, ông C đến Công an xã T trình báo sự việc. Công an xã T tiến hành truy xét, đưa bị cáo H về trụ sở để làm việc và chuyển nguồn tin về tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B giải quyết theo thẩm quyền.

Kết luận định giá tài sản số 2893/KL-HĐĐGTS ngày 09/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B xác định: tổng giá trị tài sản H chiếm đoạt là 33.750.000 đồng. Cụ thể:

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 71C3-092.56, số khung: RLCS5C6K0DY012165, số máy: 5C6K012184 trị giá 7.900.000 đồng.
- 01 xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 71C3-354.85, số khung: MH1JM5112JK065137, số máy: JM51E1065137 trị giá 25.850.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của H phù hợp với lời khai bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra thu thập.

Bà Nguyễn Xuân N1 (đại diện Tiệm cầm đồ Trần Quang H1) và bà Nguyễn Thị D1 (quản lý Tiệm cầm đồ Quốc Bảo) khi nhận cầm xe của H, chị N1 và chị D1 không biết xe mô tô biển số 71C3-092.56 và xe mô tô biển số 71C3-354.85 là tài sản do H phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở.

Vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 71C3-092.56, số khung RLCS5C6K0DY012165, số máy: 5C6K012184 và 01 xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 71C3-354.85, số khung: MH1JM5112JK065137, số máy: JM51E1065137, 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71C3-354.85. Qua xác minh, ông Phạm Khánh C là chủ sở hữu của 02 xe nên Cơ quan điều tra đã trả xe lại cho anh C.

- 01 USB chứa dữ liệu camera ghi nhận Trần Văn H mang xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 71C3-092.56 đến cầm cố tại Tiệm cầm đồ Quốc Bảo; 01 Giấy biên nhận của Tiệm cầm đồ Trần Quang H1; 01 Giấy biên nhận của Tiệm cầm đồ Quốc Bảo được lưu kèm hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Phạm Khánh C đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự.

- Bà Nguyễn Thị D1 không yêu cầu bị cáo Trần Văn H bồi thường dân sự.

- Bà Nguyễn Xuân N1 yêu cầu bị cáo Trần Văn H bồi thường số tiền đã cầm cố xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 71C3-354.85 là 20.000.000 đồng.

Cáo trạng số 327/CT-VKS ngày 29/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện

Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 174 và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Đồng thời, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định. Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Xuân N1 số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố đúng, không oan, sai; bị cáo rất ăn năn hối hận; bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xét thấy lời khai tại phiên tòa của bị cáo Trần Văn H phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng vật chứng của vụ án, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận vào ngày 01/6/2024, tại nhà trọ địa chỉ A ấp G, xã T, huyện B, bị cáo Trần Văn H đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 71C3-354.85 trị giá 25.850.000 đồng của bà Nguyễn Thị Bé G. Đến ngày 16/8/2024, tại nhà trọ địa chỉ A ấp G, xã T, huyện B, bị cáo H tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 71C3-092.56 trị giá 7.900.000 đồng của ông Phạm Khánh C.

[3]. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên, bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi

bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ông ngoại bị cáo là người có công với cách mạng được trao tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cân nhắc để có mức hình phạt phù hợp cho bị cáo.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo H phạm tội nhằm thu lợi bất chính. Tuy nhiên, xét bị cáo cáo hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với hành vi phạm tội của bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận bị hại ông Phạm Khánh C, bà Nguyễn Thị Bé G và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D1 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Xuân N1 với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) theo cách thức bồi thường ngay một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét sự tự nguyện này của bị cáo là không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận theo quy định tại Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8]. Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 71C3-092.56, số khung RLCS5C6K0DY012165, số máy: 5C6K012184 và 01 xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 71C3-354.85, số khung: MH1JM5112JK065137, số máy: JM51E1065137; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 71C3-354.85. Qua xác minh, ông Phạm Khánh C là chủ sở hữu của 02 xe nên Cơ quan điều tra đã trả xe lại cho ông C. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án: 01 USB chứa dữ liệu camera ghi nhận bị cáo Trần Văn H mang xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 71C3-092.56 đến cầm cố tại Tiệm cầm đồ Quốc Bảo; 01 Giấy biên nhận của Tiệm cầm đồ Trần Quang H1; 01 Giấy biên nhận của T1 cầm đồ Quốc Bảo.

[9]. Đối với bà Nguyễn Xuân N1 và bà Nguyễn Thị D1 có hành vi cầm cố xe không chính chủ nhưng do không biết tài sản trên do bị cáo H phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra có văn bản đề nghị Công an Q và Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

[10]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 (một triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11]. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị về tội danh, hình phạt đối với bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng. Hội đồng xét xử cũng chấp nhận ý kiến của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Trần Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/8/2024.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tiếp tục lưu giữ cùng hồ sơ vụ án: 01 USB chứa dữ liệu camera ghi nhận bị cáo Trần Văn H mang xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 71C3-092.56 đến cầm cố tại Tiệm cầm đồ Quốc Bảo; 01 Giấy biên nhận của Tiệm cầm đồ Trần Quang H1; 01 Giấy biên nhận của T1 cầm đồ Quốc Bảo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 288, Điều 357; Điều 468; Điều 586; Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Trần Văn H bồi thường thiệt hại số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Xuân N1.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng)

và 1.000.000 đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM; (1)
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh; (1)
- Công an huyện Bình Chánh; (1)
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh; (1)
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an TPHCM; (1)
- Sở Tư pháp TPHCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự; (5)
- Lưu hs; (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Việt